**TRƯỜNG THPT HÀN THUYÊN**

**TỔ TIN HỌC**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2017-2018**

**TIN HỌC 12**

**Lớp-Mã số: Họ và tên:**

1. **CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM 12**
2. **Một số khái niệm cơ bản.**
3. **Cơ sở dữ liệu (CSDL) là**

**A.** tập hợp dữ liệu có liên quan với nhau chứa thông tin của một tổ chức, được lưu trên máy tính, để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của nhiều người.

**B.** tập hợp dữ liệu chứa đựng các kiểu dữ liệu: ký tự, số, ngày/giờ, hình ảnh... của một chủ thể nào đó.

**C.** tập hợp dữ liệu có liên quan với nhau theo một chủ đề nào đó được lưu trên máy tính điện tử.

**D.** tập hợp dữ liệu có liên quan với nhau theo một chủ đề nào đó được ghi lên giấy.

1. **Hệ quản trị CSDL là**

**A.** phần mềm dùng tạo lập, lưu trữ một CSDL.

**B.** phần mềm dùng tạo lập, cập nhật và khai thác một CSDL.

**C.** phần mềm dùng tạo lập CSDL.

**D.** phần mềm để thao tác và xử lý các đối tượng trong CSDL.

1. **Hãy nêu các ưu điểm khi sử dụng CSDL trên máy tính điện tử?**  
   **A.** Gọn, nhanh chóng

**B.** Gọn, thời sự (Cập nhật đầy đủ, kịp thời...)

**C.** Gọn, thời sự, nhanh chóng

**D.** Gọn, thời sự, nhanh chóng, nhiều nguời có thể sử dụng chung CSDL

1. **Hoạt động nào sau đây có sử dụng CSDL?  
   A.** Soạn thảo văn bản

**B.** Trình chiếu một bài thuyết trình

**C.** Sử dụng công cụ vẽ hình Paint  
**D.** Quản lí bán hàng

1. **Hệ Quản trị cơ sở dữ liệu.**
2. **Người nào đã tạo ra các phần mềm ứng dụng đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin từ CSDL?**

**A.** Người lập trình ứng dụng **B.** Người QTCSDL

**C.** Người khai thác **D.** Người dùng cuối

1. **Người nào có vai trò quan trọng trong vấn đề phân quyền hạn truy cập sử dụng CSDL trên mạng máy tính?**

**A.** Người lập trình **B.** Người quản trị CSDL

**C.** Người bán hàng **D.** Người dùng cuối

1. **Người nào có vai trò trực tiếp trong sử dụng phần mềm ứng dụng phục vụ nhu cầu khai thác thông tin?**

**A.** Người QTCSDL **B.** Người lập trình

**C.** Người bán hàng **D.** Người dùng cuối

1. **Hãy nêu các bước xây dựng CSDL?**

**A.** Kiểm thử → Khảo sát → Thiết kế.

**B.** Khảo sát → Kiểm thử → Thiết kế.

**C.** Khảo sát → Thiết kế → Kiểm thử.

**D.** Thiết kế → Khảo sát → Kiểm thử.

1. **Ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu bao gồm các lệnh cho phép  
   A.** Mô tả các đối tượng được lưu trữ trong CSDL.  
   **B.** Đảm bảo tính độc lập dữ liệu.  
   **C.** Khai báo kiểu, cấu trúc, các ràng buộc trên dữ liệu của CSDL.

**D.** Khai báo kiểu dữ liệu của CSDL.

1. **Hệ quản trị Microsoft Ascess**
2. **Tập tin trong Access đươc gọi là gì?**

**A.** Bảng **B.** Tập tin dữ liệu

**C. Tập tin cơ sở dữ liệu** **D.** Tập tin truy cập dữ liệu

1. **Access là gì?**

**A.** Là phần mềm công cụ

**B. Là hệ QTCSDL do hãng Microsoft sản xuất**

**C.** Là phần mềm ứng dụng

**D.** Là phần cứng

1. Để khởi động Access 2010 ta thực hiện:

**A.** Start \ (All) Programs \ Microsoft Office\ Microsoft Access 2010.

**B.** Start \ Microsoft Access 2010.

**C.** Start \ Microsoft Office\ Microsoft Access 2010.

**D.** Start \ (All) Programs \ Microsoft Office\ Microsoft Excel 2010.

1. **Phần đuôi (phần mở rộng) của tên tập tin được tạo ra từ phần mềm MS Access 2010 là gì?**

**A.** DOC **B.** TXT

**C.** XLS **D.** ACCDB

1. **Trong Access có mấy đối tượng chính?**

**A.** 4 **B.** 2 **C.** 1 **D.** 3

1. **Hãy nêu các chức năng chính của Access?**

**A.** Lập bảng, Biểu mẫu, báo cáo, khóa chính

**B.** Tính toán, lập mẫu, báo cáo, thiết kế bảng

**C.** Báo cáo, Thống kê, mẫu hỏi, lập bảng

**D.** Tạo báo cáo, mẫu hỏi, lập bảng, lập biểu mẫu

1. **Hãy sắp xếp các bước sau để được thao tác tạo CSDL mới?**

(1) Nhấn chọn nút Browse để chọn nơi lưu trữ

(2) Chọn File → Blank Database

(3) Nhập tên cơ sở dữ liệu

(4) Nhấn chọn nút create.

**A.** (2) 🡪 (1) 🡪 (3) 🡪 (4) **B.** (1) 🡪 (2)🡪 (4) 🡪 (3)

**C.** (1) 🡪 (2) 🡪 (3)🡪 (4) **D.** (2) 🡪 (3)🡪 (4) 🡪 (1)

1. **Tên của tập tin trong Access bắt buộc phải đặt trước hay sau khi tạo CSDL?**

**A.** Bắt buộc đặt tên tệp ngay rồi mới thao tác trên CSDL

**B.** Đặt sau khi tạo khóa chính

**C.** Đặt trước khi tạo khóa chính

**D.** Đặt tên tệp sau khi đã tạo CSDL

1. **Trong Access, để mở một CSDL đã có thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là đúng?**

**A.** File/open/<tên tệp>

**B.** Create Table in Design View

**C.** Create table by using wizard

**D.** File/new/Blank Database

1. **Để đổi tên bảng ta chọn tên bảng, rồi thực hiện thao tác nào?**

**A.** Click phải → Rename

**B.** → Home→ Rename

**C.** → File → Rename

**D.** → Database Tools → Rename

1. **Muốn xóa một bảng trong Access, ta chọn tên bảng cần xóa rồi thực hiện thao tác nào?**

**A.** File → Delete **B.** Insert → Rows

**C.** Click phải → Rename **D.** Click phải → Delete

1. **Để lưu cấu trúc bảng ta thực hiện thao tác nào?**

**A.** Format → Save **B.** Tools → Save

**C.** View → Save **D.** File → Save

1. **Dữ liệu của CSDL được lưu trữ ở**

**A.** Query **B.** Form

**C.** Table **D.** Report

1. **Trong Access, 1 Database có bao nhiêu bảng:**

**A.** Chỉ có 1 **B.** Tối đa 3

**C.** Tối thiểu 2 **D.** Tùy ý

1. **Kết thúc phiên bản làm việc với Access ta thực hiện thao tác nào?**

**A.** → Format → Save **B.** → File → Close

**C.** → File → Open **D.** → File → Exit

1. **Trong CSDL đang làm việc, để tạo một bảng mới bằng cách tự thiết kế, thì thao tác thực hiện nào sau đây là đúng?**

**A.** Create \ Table design **B.** Create \ Query design

**C.** Create \ Form design **D.** Create \ Report design

1. **Khi tạo cấu trúc bảng, tên trường được nhập vào cột nào?**

**A.** Field name **B.** Data type

**C.** Field size **D.** Format

1. **Tên cột (tên trường) được viết bằng chữ hoa hay thường?**

**A.** Không phân biệt chữ hoa hay thường

**B.** Bắt buộc phải viết thường

**C.** Bắt buộc phải viết hoa

**D.** Tùy theo trường hợp

1. **Data Type có nghĩa là gì?**

**A.** Kiểu dữ liệu **B.** Mô tả

**C.** độ rộng trưòng **D.** Tên trường

1. Khi chọn dữ liệu cho các trường chỉ chứa một trong hai giá trị như gioitinh, đơn đặt hàng đã hoặc chưa giải quyết...nên chọn kiểu dữ liệu nào?

**A.** Number **B.** Text

**C.** Auto Number **D.** Yes/No

1. **Kiểu dữ liệu nào không có trong CSDL của Access?**

**A.** Yes/No **B.** Number

**C.** Integer. **D.** Date/Time

1. Trong Access, kiểu dữ liệu số được khai báo như thế nào?  
   **A.** Curency **B.** Number

**C.** Single **D.** Integer

1. **Khi chọn kiểu dữ liệu cho trường số điện thoại nên chọn loại nào?**

**A.** Number **B.** Text

**C.** Autonumber **D.** Date/Time

1. **Khi chọn kiểu dữ liệu cho trường thành tiền (bắt buộc kèm theo đơn vị tiền tệ), nên chọn loại nào**

**A.** Date/time **B.** Currency

**C.** Text **D.** Number

1. **Trường Email có giá trị là: 1234@yahoo.com. Hãy cho biết trường Email có kiểu dữ liệu gì?**

**A.** Currency **B.** Text **C.** AutoNumber **D.** Number

1. **Trong Access, dữ liệu kiểu đếm tăng tự động cho bản ghi mới là gì?**

**A.** AutoNumber **B.** Text **C.** Currency **D.** Number

1. **Khi chọn kiểu dữ liệu AutoNumber cho trường MaSo, thao tác nào sau đây không thực hiện được:**

**A.** Không cần nhập vào trường MaSo

**B.** Mã số được cấp tự động

**C.** Được cấp lại Mã số đã xóa

**D.** Xóa Mã số khi không cần thiết

1. **Trong Access, khoá chính dùng để**

**A.** phân biệt hai dòng với nhau trong một bảng design

**B.** phân biệt hai Record trong một bảng

**C.** phân biệt hai field với nhau trong một bảng

**D.** Phân biệt hai bảng dữ liệu với nhau

1. **Bảng đã được hiển thị ở chế độ thiết kế muốn thêm một trường vào bên trên trường hiện tại ta thực hiện thao tác nào?**

**A.** File/New/Blank Database

**B.** File/Save/<Tên tệp>

**C.** Create / Table Design

**D.** Design / Insert Rows

1. **Bảng đã được hiển thị ở chế độ thiết kế, muốn xóa trường đã chọn ta thực hiện thao nào?**

**A.** Insert/Rows

**B.** File/New/Blank Database

**C.** Design / Delete Rows

**D.** Create / Table

1. **Giả sử nhập dữ liệu “12A1” cho trường Ma\_so. Vậy ta phải chọn trường Ma\_so có kiểu dữ liệu nào?**

**A.** Currency **B.** Auto Number

**C.** Text **D.** Number

1. **Giả sử ta cần tạo bảng gồm các trường như sau: STT, TENHANG, NGAYNHAP, DONGIA. Ta có thể khai báo lần lượt các kiểu dữ liệu theo thứ tự nào?**

**A.** Text – Text – Yes/No – Number

**B.** Number – Date/Time – Text - Number

**C.** Text – Text – Text – Text

**D.** AutoNumber – Text – Date/Time – Number

1. **Trường số lượng nên chọn kiểu dữ liệu nào?**

**A.** Text **B.** Number

**C.** Date/time **D.**AutoNumber

1. **Để chỉ định khoá chính cho bảng ta thực hiện thao tác nào?**

**A.** → Database Tools → Primary key

**B.** → External Data → Primary key

**C.** → Design → Primary key

**D.** → File → Primary key

1. **Trong Access, kiểu dữ liệu Yes/No là kiểu gì?**

**A.** Kiểu văn bản **B.** Kiểu lôgic

**C.** Kiểu số **D.** Kiểu ngày/giờ

1. **Thuộc tính Validation Text của trường A sẽ quy định**  
   **A.** dòng thông báo lỗi khi nhập giá trị của trường A không hợp lệ.

**B.** dòng thông báo xuất hiện khi con trỏ di chuyển vào cột A.

**C.** điều kiện đòi hỏi để con trỏ có thể di chuyển vào cột A.

**D.** điều kiện hợp lệ dữ liệu để giới hạn miền giá trị nhập vào trường A.

1. **Phần thập phân của dữ liệu kiểu Long Interger có thể chứa tối đa bao nhiêu chữ số?**  
   **A.** 1 chữ số **B.** 7 chữ số

**C.** 15 chữ số **D.** 0 chữ số

1. **Qui định dữ liệu nhập kiểu ngày có dạng dd/mm/yy, chọn Format là gì?**  
   **A.** Short Date **B.** Medium Date

**C.** Long Date **D.** General

1. **Biết trường DIEM có kiểu Number, chỉ nhận các giá trị từ 0 đến 10, hãy xác định thuộc tính Validation Rule của trường DIEM**?

**A.** >0 or <=10 **B.** >=0 and <=10

**C.** >[diem]>0 or [diem]<=10 **D.** 0<=[diem]<=10

1. **Thuộc tính Validation Rule dùng để làm gì**?

**A.** Thông báo lỗi khi nhập dữ liệu không hợp lệ  
**B.** Kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu

**C.** Qui định khoá chính

**D.** Qui định tên của bảng

1. **Tính chất nàu sau đây dùng để thiết lập giá trị mặc định cho một trường (Fields)?**

**A.** Validation Rule **B.** Validation Text

**C.** Default Value **D.** Required

1. **Tính chất Caption dùng để làm gì?**

**A.** Đặt tên tiếng Việt đầy đủ cho cột, thay thế tên trường khi hiển thị bảng dưới dạng Datasheet view

**B.** Ấn định số ký tự tối đa chứa trong trường đó

**C.** Qui định số cột chứa số lẻ

**D.** Định dạng ký tự gõ vào trong cột

1. **Các thao tác cơ bản trên bảng**
2. **Bảng đã được hiển thị ở chế độ trang dữ liệu, muốn xóa bản ghi hiện tại, ta thực hiện thao nào?**

**A.** Home/ Records/ Delete Record

**B.** Home/ Records/ Delete Column

**C.** Delete

**D.** Home/ Records/ New

1. **Bảng đã được hiển thị ở chế độ trang dữ liệu, với một trường đã chọn, Muốn sắp xếp các bản ghi theo thứ tự tăng dần, ta thực hiện thao tác nào?**

**A.** Home/ Records/ New

**B.** Home/ Sort & Filter/ Ascending

**C.** Home/ Records/ Delete Record

**D.** Home/ Records/ Delete Column

1. **Trong Access, nút lệnh này  có ý nghĩa gì?**

**A.** Chỉ định khoá chính

**B.** Khởi động Access

**C.** Mở tệp cơ sở dữ liệu

**D.** Cài mật khẩu cho tệp cơ sở dữ liệu

1. **Để lọc dữ liệu theo mẫu, điều kiện được trình bày dưới dạng mẫu, chọn nút lệnh nào?**

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. **Trong Access, nút lệnh  có chức năng gì?**

**A.** Sắp xếp tăng dần. **B.** Sắp xếp giảm dần.

**C.** Lọc. **D.** Không làm gì cả

1. **Trong Access, nút lệnh  có chức năng gì?**

**A.** Sắp xếp tăng dần. **B.** Lọc theo mẫu.

**C.** Sắp xếp giảm dần. **D.** Lọc theo ô dữ liệu đang chọn.

1. **Trong Access, nút lệnh  có chức năng gì?**

**A.** Sắp xếp tăng dần. **B.** Lọc theo mẫu.

**C.** Sắp xếp giảm dần. **D.** Lọc theo ô dữ liệu đang chọn.

1. **Biểu mẫu**
2. **Biểu mẫu là một đối tượng trong Access dùng để thực hiện công việc chủ yếu nào?**

**A.** Xem, nhập, sửa dữ liệu **B.** Kết xuất thông tin

**C.** Lập báo cáo **D.** Tìm kiếm thông tin

1. **Trong Access đối tượng nào dùng để cập nhật, hiển thị dữ liệu với 1 khuôn mẫu giao diện phù hợp và thuận tiện?**

**A.** Biểu mẫu (Form) **B.** Bảng (Table)

**C.** Báo cáo (Report) **D.** Mẫu hỏi (Query)

1. **Câu nào không đúng khi nói về khả năng của biểu mẫu?**

**A.** Thực hiện các tính toán như tính trung bình cộng, tính tổng, đếm bản ghi.

**B.** Hiển thị dữ liệu trong bảng dưới dạng thuận tiện để xem nhập và sữa dữ liệu

**C.** Thực hiện các thao tác thông qua các nút lệnh

**D.** Thực hiện thao tác tìm kiếm, lọc, sắp xếp

1. **Để tạo biểu mẫu bằng thuật sĩ,cần thao tác như thế nào?**

**A.** Create/ Forms/ Form wizard

**B.** Create/ Forms

**C.** Create/ Forms/ Form design

**D.** Create/ Forms/ Blank Form

1. **Để thay đổi cấu trúc của biểu mẫu, ta phải chọn chế độ làm việc nào?**

**A.** Design view **B.** Datasheet view

**C.** Form view **D.** Layout view

1. **Để tạo nút lệnh (Command Button) bằng Wizard cho phép thêm mẫu tin mới, ta chọn loại hành động nào sau đây?**  
   **A.** Record Operations, Add New Record

**B.** Record Navigation, New Record

**C.** Record Navigation, Add New Record

**D.** Go to Record, New

1. **Để tạo nút lệnh Command Button bằng Wizard cho phép tìm mẫu tin, ta chọn lệnh nào sau đây?**  
   **A.** Record Navigation, Find Record

**B.** Record Navigation, Find Next

**C.** Record Operations, Find Record

**D.** Record Operations, Find Next

1. **Để tạo thoát biểu mẫu bằng nút lệnh Command Button, ta chọn chức năng Close Form trong nhóm lệnh nào sau đây?**

**A.** Record Navigation **B.** Record Operations

**C.** Form Operations **D.** Application

1. **Liên kết giữa các bảng**
2. **Để tạo liên kết giữa các bảng, ta thực hiện thao tác nào?**

**A.** Database Tools 🡪 Relationships

**B.** Home 🡪 Relationships

**C.** Create 🡪 Relationships

**D.** File 🡪 Relationships

1. **Muốn xóa liên kết giữa hai bảng, trong cửa sổ Relationship ta thực hiện thao tác nào?**

**A.** Chọn đường liên kết giữa hai bảng đó và nhấn Delete

**B.** Chọn hai bảng và nhấn Delete

**C.** Chọn một bảng và nhấn Delete

**D.** Chọn tất cả các bảng và nhấn Delete

1. **Điều kiện để tạo mối liên kết giữa hai bảng là gì?**
2. Trường liên kết của hai bảng phải cùng kiểu dữ liệu
3. Trường liên kết của hai bảng phải là chữ hoa
4. Trường liên kết của hai bảng phải là kiểu dữ liệu số
5. Trường liên kết của hai bảng phải khác nhau về kiểu dữ liệu
6. **Quan hệ giữa hai bảng trong cơ sở dữ liệu Access có thể là gì?**

**A.** Quan hệ một - nhiều

**B.** Quan hệ nhiều - một

**C.** Quan hệ một - một

**D.** Quan hệ một - nhiều, một - một, nhiều – nhiều

1. **Khi muốn thiết lập quan hệ (Relationship) giữa hai bảng thì phải thoả điều kiện gì?**

**A.** Có ít nhất một mẫu tin

**B.** Có ít nhất ba trường

**C.** Có chung ít nhất một trường

**D.** Có chung ít nhất hai trường

1. **Khi tạo ra các bảng trong cơ sở dữ liệu Access thì ta nên thực hiện theo trình tự nào?**

**A.** Tạo liên kết 🡪 tạo khóa chính 🡪nhập liệu

**B.** Tạo khóa chính 🡪 tạo liên kết 🡪 nhập liệu

**C.** Tạo khóa chính 🡪 nhập liệu 🡪 tạo liên kết

**D.** Nhập liệu 🡪 tạo khóa chính 🡪 liên kết

1. **Sắp xếp các bước theo thứ tự thực hiện để tạo liên kết giữa hai bảng**

1. Hiển thị hai bảng muốn tạo liên kết

2. Mở cửa sổ Relationships

3. Kéo thả trường liên kết giữa hai bảng

4. Kích vào nút create

**A.** 2-1-4-3 **B.** 2-4-3-1

**C.** 2-1-3-4 **D.** 2-3-4-3

1. **Truy vấn dữ liệu**
2. **Mẫu hỏi thường được dùng để**

**A.** lưu dữ liệu. **B.** thực hiện phép tính toán.

**C.** báo cáo. **D.** thống kê.

1. **Mẫu hỏi là đối tượng nào trong Access?**

**A.** Macro **B.** Query

**C.** Form **D.** Report

1. **Trong cấu trúc của mẫu hỏi, ta đặt điều kiện tại mục nào?**

**A.** Table **B.** Show **C.** Criteria **D.** Field

1. **Tên trường là toán hạng trong biểu thức số học được đặt trong ký hiệu nào?**

**A.** [ ] **B.** { } **C.** < > **D.** ( )

1. **Khi tạo truy vấn, muốn sắp xếp dữ liệu theo chiều tăng hoặc giảm thì trong vùng lưới ta chọn nào?**

**A.** Index **B.** Index and Sort

**C.** Sort **D.** Show

1. **Khi tiến hành tạo Query, bước quan trọng nhất là gì?**

**A.** Chọn trường để sắp xếp

**B.** Chọn kiểu trình bày báo cáo

**C.** Chọn nguồn dữ liệu

**D.** Chọn trường để phân nhóm

1. **Chọn phát biểu đúng nhất trong các phát biểu sau**: **Khi tạo truy vấn, nếu có 2 hay nhiều bảng có cùng tên trường thì**

**A.** ta không thể cho hiển thị tất cả các trường đó.

**B.** ta phải đổi tên cho các trường đó.

**C.** truy vấn không thể thực hiện được.  
**D.** vẫn tạo truy vấn bình thường.

1. **Nguồn dữ liệu cho một Query là gì?**

**A.** Table, Query **B.** Query

**C.** Report **D.** Module

1. **Trong cửa sổ thiết kế Query, Để hiện hay ẩn một cột khi chạy Query ta phải sử dụng dòng nào?**

**A.** Show **B.** Sort **C.** Criteria **D.** Total

1. **Khi tạo truy vấn, muốn sắp xếp dữ liệu theo chiều tăng hoặc giảm thì trong vùng lưới ta chọn ở mục?**

**A.** Index **B.** Index and Sort

**C.** Sort **D.** Show

1. **Trong một truy vấn ta phải chọn ít nhất bao nhiêu Table?**

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

1. **Truy vấn dữ liệu có nghĩa là**

**A.** in dữ liệu.

**B.** tìm kiếm và hiển thị dữ liệu.

**C.** lưu trữ dữ liệu.

**D.** thống kê dữ liệu.

1. **Trong truy vấn để tính tổng, ta dùng hàm nào trong Access?**

**A.** SUM **B.** AVG **C.** MIN **D.** MAX

1. **Trong truy vấn để tính trung bình, ta dùng hàm nào trong Access?**

**A.** SUM **B.** AVG **C.** MIN **D.** MAX

1. **Báo cáo & kết xuất báo cáo**
2. **Để tạo một báo cáo bằng thuật sĩ, ta thực hiện lệnh nào?**

**A.** Create/ Form wizard

**B.** Create/ Table wizard

**C.** Create/ Report wizard

**D.** Create/ Query wizard

1. **Trong Acces, để kết thúc việc tạo báo cáo, ta nhấn nút lệnh nào?**

**A.** Quit **B.** Exit **C.** Finish **D.** Close

1. **Trong Acces, đối tượng Report được dùng để làm gì?**

**A.** Nhập dữ liệu

**B.** Sửa cấu trúc bảng

**C.** Chỉnh sửa dữ liệu

**D.** Tổng hợp dữ liệu

1. **Khi tiến hành tạo Report, bước quan trọng nhất là gì?**

**A.** Chọn trường để sắp xếp

**B.** Chọn kiểu trình bày báo cáo

**C.** Chọn nguồn dữ liệu

**D.** Chọn trường để phân nhóm

1. **TỰ LUẬN**
2. **Thiết kế cấu trúc (design) 3 bảng CSDL quản lý KINH\_DOANH:**

Khach\_hang(**ma\_kh**, ho\_ten)

Mat\_hang(**ma\_mat\_hang**, ten\_mat\_hang, don\_gia)

Hoa\_don(**so\_don**, ma\_kh, ma\_mat\_hang, so\_luong)

1. **Thiết kế cấu trúc (design) 3 bảng trong CSDL quản lý học tập:**

hoc\_sinh(**ma\_HS**, ho\_ten)

mon\_hoc(**ma\_mon\_hoc**, ten\_mon\_hoc)

bang\_diem(**id**, ma\_HS, ma\_mon\_hoc, ngay\_kiem\_tra, diem\_so)

1. **Thiết kế cấu trúc (design) 3 bảng trong CSDL quản lý điểm của một kỳ thi tuyển sinh:**

thi\_sinh(**sbd**, ho\_ten, ngay\_sinh, gioi\_tinh, truong)

danh\_phach(**sbd**, **phach**)

diem\_thi(**phach**, diem)

1. **Thiết kế cấu trúc (design) 3 bảng trong CSDL quản lý thư viện:**

sach(**ma\_so\_sach**, ten\_sach, so\_trang)

nguoi\_muon(**so\_the,** ho\_ten)

muon\_sach(id, **so\_the, ma\_so\_sach**, ngay\_muon)

**HẾT**